



Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 38

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2002, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán buôn thực phẩm và mua bán nông sản thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Kim Thành	Chủ tịch
Ông Trần Lệ Nguyên	Phó Chủ tịch
Ông Wang Ching Hua	Thành viên
Bà Vương Bửu Linh	Thành viên
Bà Vương Ngọc Xiêm	Thành viên
Ông Trần Quốc Nguyên	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên
Ông Nguyễn Gia Huy Chương	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Trí	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lương Quang Hiến	Trưởng Ban
Bà Lương Mỹ Duyên	Thành viên
Ông Võ Long Nguyên	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Lệ Nguyên	Tổng Giám đốc
Bà Vương Bửu Linh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vương Ngọc Xiêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Wang Ching Hua	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Luân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Xuân Trâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Tiến Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Kelly Yin Hon Wong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mã Thanh Danh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Kim Thành.

Ông Trần Lệ Nguyên được Ông Trần Kim Thành ủy quyền để ký báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty lập báo cáo tài chính riêng kèm theo này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập ở trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Trần Lệ Nguyễn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2018

Số tham chiếu: 60752643/19356738

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido (“Công ty”) được lập ngày 27 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1772-2018-004-1

Lương Kim Diên An
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2736-2014-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.657.355.037.477	3.769.576.446.736
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	1.341.246.486.335	1.252.486.574.658
111	1. Tiền		30.246.486.335	61.483.066.364
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.311.000.000.000	1.191.003.508.294
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.1	650.399.729.351	653.503.729.901
121	1. Chứng khoán kinh doanh		401.120.064	3.949.434.564
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.390.713)	(445.704.663)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		650.000.000.000	650.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	5	613.924.165.652	1.801.121.232.343
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		329.551.773.447	327.798.321.979
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		20.366.976.000	2.719.043.258
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		8.000.000.000	8.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		329.200.383.634	1.474.094.178.784
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(73.194.967.429)	(11.490.311.678)
140	IV. Hàng tồn kho	6	284.053.013	10.165.815.465
141	1. Hàng tồn kho		477.913.013	17.251.082.258
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(193.860.000)	(7.085.266.793)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		51.500.603.126	52.299.094.369
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	9.026.766.063	4.273.429.195
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		42.411.761.813	47.963.589.924
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	62.075.250	62.075.250
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.170.665.502.050	3.521.648.075.094
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	7	111.021.410.665	26.634.617.362
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		17.304.707.562	18.454.707.562
216	2. Phải thu dài hạn khác		93.716.703.103	8.179.909.800
220	II. Tài sản cố định		65.416.866.872	64.784.230.775
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	47.757.751.235	44.250.676.405
222	Nguyên giá		94.024.230.412	79.281.969.527
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(46.266.479.177)	(35.031.293.122)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	17.659.115.637	20.533.554.370
228	Nguyên giá		41.719.355.193	40.301.011.821
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(24.060.239.556)	(19.767.457.451)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		2.412.000.000	5.270.506.600
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.412.000.000	5.270.506.600
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	10.2	3.936.571.000.622	3.355.978.919.712
251	1. Đầu tư vào các công ty con		2.798.092.657.730	1.890.624.803.969
252	2. Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết		1.190.500.000.000	1.511.005.599.984
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(52.021.657.108)	(45.651.484.241)
260	V. Tài sản dài hạn khác		55.244.223.891	68.979.800.645
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	45.921.800.515	49.905.359.348
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.3	9.322.423.376	19.074.441.297
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.828.020.539.527	7.291.224.521.830

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		994.487.295.446	1.642.361.598.365
310	I. Nợ ngắn hạn		394.249.535.184	845.788.794.543
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	6.058.441.221	50.134.371.255
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	4.888.805.254
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	24.846.186.592	76.680.167.741
314	4. Phải trả người lao động		6.966.869.093	6.416.070.220
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	51.997.453.042	77.833.462.918
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	666.666.667
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	15	24.933.984.146	128.884.064.020
320	8. Vay ngắn hạn	16	257.813.250.250	497.954.035.628
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		21.633.350.840	2.331.150.840
330	II. Nợ dài hạn		600.237.760.262	796.572.803.822
337	1. Phải trả dài hạn khác		1.943.298.000	268.884.000
338	2. Vay dài hạn	16	593.792.421.762	791.639.780.822
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		4.502.040.500	4.664.139.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.833.533.244.081	5.648.862.923.465
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	5.833.533.244.081	5.648.862.923.465
411	1. Vốn cổ phần		2.566.533.970.000	2.566.533.970.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.566.533.970.000	2.566.533.970.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.192.083.261.700	3.192.083.261.700
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.959.478.509.838)	(1.959.478.509.838)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		51.162.916.267	51.162.916.267
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		16.135.952.841	16.135.952.841
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.967.095.653.111	1.782.425.332.495
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.421.447.506.895	811.422.346.370
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		545.648.146.216	971.002.986.125
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.828.020.539.527	7.291.224.521.830

Trần Minh Nguyệt
Người lập

Nguyễn Thị Oanh
Kế toán trưởng

Trần Lệ Nguyên
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	18.1	41.870.641.256	337.598.134.956
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	(903.715)	(12.215.784.943)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng	18.1	41.869.737.541	325.382.350.013
11	4. Giá vốn hàng bán	19	(34.919.951.967)	(288.742.561.267)
20	5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng		6.949.785.574	36.639.788.746
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	1.065.220.820.471	1.563.072.507.061
22 23	7. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	20	(109.116.394.397) (100.693.653.829)	(118.332.244.984) (32.002.109.806)
25	8. Chi phí bán hàng	21	(19.559.679.098)	(89.643.625.281)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(241.233.281.788)	(159.005.850.652)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		702.261.250.762	1.232.730.574.890
31	11. Thu nhập khác	23	9.119.059.501	38.821.186.633
32	12. Chi phí khác	23	(22.054.233.587)	(12.012.088.140)
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác	23	(12.935.174.086)	26.809.098.493
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		689.326.076.676	1.259.539.673.383
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(133.925.912.539)	(280.524.959.952)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	25.1	(9.752.017.921)	(8.011.727.306)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		545.648.146.216	971.002.986.125


Trần Minh Nguyệt
Người lập


Nguyễn Thị Oanh
Kế toán trưởng



Trần Lệ Nguyên
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		689.326.076.676	1.259.539.673.383
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn		16.654.708.160	15.606.505.155
03	Các khoản dự phòng		60.577.009.375	29.893.244.750
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(891.389.620)	(2.383.509)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.062.673.795.351)	(1.511.342.971.257)
06	Chi phí phát hành trái phiếu phân bổ và chi phí lãi vay		102.846.294.769	32.261.890.628
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(194.161.095.991)	(174.044.040.850)
09	Tăng các khoản phải thu		(36.744.279.506)	(247.805.088.532)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		16.773.169.245	(4.566.273.985)
11	Giảm các khoản phải trả		(120.312.892.629)	(45.443.501.610)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(1.896.518.035)	17.670.962
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		3.548.314.500	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(101.954.611.910)	(21.634.206.743)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.617.800.000)	(24.560.225.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(447.365.714.326)	(518.035.665.758)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(13.302.097.657)	(60.207.542.462)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		-	185.681.818
23	Tiền chi cho vay và gửi ngân hàng có kỳ hạn		-	(50.000.000.000)
24	Tiền thu hồi từ cho vay và gửi ngân hàng có kỳ hạn		-	1.305.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.171.255.957.814)	(2.130.683.373.898)
26	Tiền thu hồi từ đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.525.006.209.081	1.667.648.000.400
27	Thuế TNDN đã nộp trên lãi từ thanh lý khoản đầu tư	13	(193.149.996.332)	(1.057.762.085.703)
	Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		158.441.582.988	239.773.167.108
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		1.305.739.740.266	(86.046.152.737)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

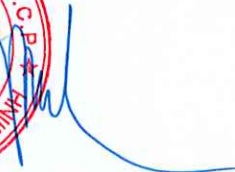
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu quỹ	17.1	-	(831.373.476)
33	Tiền thu từ đi vay	16	500.008.301.372	2.123.800.309.416
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	16	(940.149.086.750)	(888.221.611.864)
36	Cổ tức đã trả	17.4	(329.489.247.340)	(493.745.506.850)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(769.630.032.718)	741.001.817.226
50	Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		88.743.993.222	136.919.998.731
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	1.252.486.574.658	1.115.564.192.418
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		15.918.455	2.383.509
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	1.341.246.486.335	1.252.486.574.658




Trần Minh Nguyệt
Người lập


Nguyễn Thị Oanh
Kế toán trưởng


Trần Lệ Nguyên
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2002, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán buôn thực phẩm và mua bán nông sản thực phẩm.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 122 (31 tháng 12 năm 2016 là: 132).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 10. Công ty lập báo cáo tài chính riêng nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2.2 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, chủ yếu bao gồm nguyên vật liệu và hàng hóa, với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm và nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí mua sắm và nâng cấp tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 12 năm

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất trong thời hạn 42 năm. Khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư, nếu phát sinh, được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Trích lập trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động. Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu khi Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận lãi hoặc lỗ khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Phân chia lợi nhuận* (tiếp theo)

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên và được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.16 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.17 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	97.167.105	9.907.920
Tiền gửi ngân hàng	30.149.319.230	61.473.158.444
Các khoản tương đương tiền	1.311.000.000.000	1.191.003.508.294
TỔNG CỘNG	<u>1.341.246.486.335</u>	<u>1.252.486.574.658</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất dao động từ 5,0% đến 5,5% một năm.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	329.551.773.447	327.798.321.979
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	<i>329.549.254.048</i>	<i>327.774.366.385</i>
<i>Phải thu từ khách hàng khác</i>	<i>2.519.399</i>	<i>23.955.594</i>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	20.366.976.000	2.719.043.258
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>366.976.000</i>	<i>2.719.043.258</i>
Phải thu về cho vay ngắn hạn - Công ty TNHH TRIBECO Bình Dương	8.000.000.000	8.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	329.200.383.634	1.474.094.178.784
<i>Trong đó:</i>		
<i>Tạm ứng để đầu tư vào cổ phần mục tiêu (*)</i>	<i>176.638.400.000</i>	<i>852.000.000.000</i>
<i>Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư</i>	<i>99.320.000.000</i>	<i>112.675.000.000</i>
<i>Lãi tiền gửi phải thu</i>	<i>15.734.861.116</i>	<i>14.552.777.780</i>
<i>Tạm ứng cho nhân viên</i>	<i>32.837.319.348</i>	<i>463.332.994</i>
<i>Tạm ứng để đầu tư vào Vocarimex</i>	<i>-</i>	<i>480.746.591.000</i>
<i>Tạm ứng cho dịch vụ tư vấn tái cấu trúc và đầu tư</i>	<i>-</i>	<i>8.857.022.417</i>
<i>Các khoản khác</i>	<i>4.669.803.170</i>	<i>4.799.454.593</i>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	<i>176.754.573.149</i>	<i>1.222.639.391.000</i>
<i>Các bên khác</i>	<i>152.445.810.485</i>	<i>251.454.787.784</i>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(73.194.967.429)</u>	<u>(11.490.311.678)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>613.924.165.652</u>	<u>1.801.121.232.343</u>

(*) Số dư này thể hiện khoản tiền tạm ứng cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt ("VDS") để mua các cổ phần mục tiêu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	11.490.311.678	22.761.368.994
Dự phòng trích lập trong năm	61.704.655.751	3.689.993.980
Sử dụng và hoàn nhập trong năm	-	(14.961.051.296)
Số cuối năm	<u>73.194.967.429</u>	<u>11.490.311.678</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	194.693.503	12.487.805.299
Công cụ, dụng cụ	283.219.510	1.506.892.860
Hàng hóa	-	3.256.384.099
TỔNG CỘNG	477.913.013	17.251.082.258
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(193.860.000)	(7.085.266.793)
GIÁ TRỊ THUẦN	284.053.013	10.165.815.465

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.085.266.793	-
Dự phòng trích lập trong năm	-	7.085.266.793
Sử dụng dự phòng trong năm	(6.891.406.793)	-
Số cuối năm	<u>193.860.000</u>	<u>7.085.266.793</u>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán dài hạn		
Trả trước tiền thuê văn phòng cho Công ty TNHH Hoàng Triều	17.304.707.562	18.454.707.562
Phải thu dài hạn khác		
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư	85.484.438.836	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn khác	8.232.264.267	8.179.909.800
TỔNG CỘNG	111.021.410.665	26.634.617.362

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	3.353.396.944	861.279.274	64.620.755.184	10.446.538.125	79.281.969.527
Mua mới trong năm	-	-	14.191.510.364	550.750.521	14.742.260.885
Số cuối năm	3.353.396.944	861.279.274	78.812.265.548	10.997.288.646	94.024.230.412
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	326.604.975	3.827.720.910	745.603.851	4.899.929.736
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	1.990.563.906	370.298.268	28.447.884.968	4.222.545.980	35.031.293.122
Khấu hao trong năm	399.238.450	104.437.984	8.632.629.669	2.098.879.952	11.235.186.055
Số cuối năm	2.389.802.356	474.736.252	37.080.514.637	6.321.425.932	46.266.479.177
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.362.833.038	490.981.006	36.172.870.216	6.223.992.145	44.250.676.405
Số cuối năm	963.594.588	386.543.022	41.731.750.911	4.675.862.714	47.757.751.235

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

Phần mềm máy tính

Nguyên giá

Số đầu năm	40.301.011.821
Mua mới trong năm	<u>1.418.343.372</u>
Số cuối năm	<u>41.719.355.193</u>

Trong đó:

<i>Đã hao mòn hết</i>	30.900.000
-----------------------	------------

Giá trị hao mòn lũy kế

Số đầu năm	19.767.457.451
Hao mòn trong năm	<u>4.292.782.105</u>
Số cuối năm	<u>24.060.239.556</u>

Giá trị còn lại

Số đầu năm	<u>20.533.554.370</u>
Số cuối năm	<u>17.659.115.637</u>

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

10.1 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	<i>Giá trị VND</i>	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	<i>Giá trị VND</i>
Giá trị thuần của chứng khoán kinh doanh		399.729.351		3.503.729.901
Cổ phiếu niêm yết	19.589	401.120.064	129.589	3.949.434.564
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.390.713)		(445.704.663)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – Tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam		<u>650.000.000.000</u>		<u>650.000.000.000</u>
TỔNG CỘNG		<u>650.399.729.351</u>		<u>653.503.729.901</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10.2 Đầu tư tài chính dài hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào các công ty con (i)	2.798.092.657.730	1.890.624.803.969
Đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh đồng kiểm soát (ii)	1.190.500.000.000	1.511.005.599.984
TỔNG CỘNG	3.988.592.657.730	3.401.630.403.953
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(52.021.657.108)	(45.651.484.241)
GIÁ TRỊ THUẦN	3.936.571.000.622	3.355.978.919.712

(i) Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty con	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn đầu tư	%	Vốn đầu tư	%
	VND		VND	
Tổng Công ty Dầu thực vật Việt Nam	1.453.322.779.798	51,00	-	-
Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An	993.977.413.507	61,90	1.014.939.750.898	65,00
Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh Kido	306.121.214.425	65,00	470.013.803.071	99,80
Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Kido	30.000.000.000	100,00	30.000.000.000	100,00
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kido	7.500.000.000	100,00	7.500.000.000	100,00
Công ty Thương mại và Hợp tác Quốc tế Hà Nội	5.171.250.000	75,73	5.171.250.000	75,73
Công ty TNHH MTV Quốc tế Nhất Hảo	2.000.000.000	100,00	-	-
Công ty TNHH Tân An Phước	-	-	363.000.000.000	80,00
TỔNG CỘNG	2.798.092.657.730		1.890.624.803.969	

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam ("Vocarimex"), trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 452/CN-TCLĐ do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 6 tháng 6 năm 1992, hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0300585984 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 12 năm 2014. Hoạt động chính của Vocarimex là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dầu thực vật, mỡ động, thực vật. Vocarimex có trụ sở chính được đăng ký tại số 58 Đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong năm, Công ty đã mua thêm 32.886.000 cổ phiếu của Vocarimex với tổng giá trị đầu tư là 1.093.935.179.814 VND. Theo đó, Công ty tăng tỷ lệ sở hữu trong Vocarimex từ 24,00% lên 51,00% và Vocarimex từ công ty liên kết trở thành công ty con (Thuyết minh số ii).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

(i) Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An ("Tường An") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Nhà máy Dầu Tường An thuộc Công ty Dầu Thực vật Hương liệu Mỹ phẩm Việt Nam (nay là Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam) theo Quyết định số 42/2004/QĐ-BCN ngày 4 tháng 6 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Tường An hiện đang hoạt động theo GCNĐKKD số 4103002698 ngày 27 tháng 9 năm 2004 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động kinh doanh chính của Tường An là sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các loại hạt có dầu, thạch dừa; và các sản phẩm từ cây có dầu. Tường An có trụ sở chính được đăng ký tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh Kido ("KDF") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103001557 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của KDF là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thực phẩm và nước uống như nước đá, kem, sữa và các sản phẩm từ sữa khác.

Vào ngày 31 tháng 5 năm 2017, Công ty đã chuyển nhượng 11.200.000 cổ phần, tương đương 94.191.142.900 VND giá trị đầu tư vào KDF, cho các nhà đầu tư theo các thỏa thuận đăng ký mua cổ phần.

Tiếp theo đó, vào ngày 25 tháng 8 năm 2017, Công ty đã chuyển nhượng 5.600.000 cổ phần, tương đương 47.095.571.450 VND cho người lao động và 2.688.000 cổ phần, tương đương 22.605.874.296 VND giá trị đầu tư vào KDF cho các nhà đầu tư chiến lược theo các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần.

Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Kido ("KIDOFood") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0106681285 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 3 tháng 11 năm 2014 và theo các GCNĐKKD sửa đổi sau đó. Hoạt động chính của KIDOFood là bán buôn thực phẩm và cung cấp dịch vụ ăn uống khác.

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kido ("KTS") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313172800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 3 năm 2015. Hoạt động chính của KTS là bán buôn thực phẩm và cung cấp dịch vụ ăn uống khác.

Công ty Thương mại và Hợp tác Quốc tế Hà Nội ("HTIC") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0103000347 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 5 năm 2001. Hoạt động chính của HTIC là kinh doanh thương mại các loại đồ ăn và thức uống.

Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Nhất Hảo ("Nhất Hảo") là một công ty TNHH được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0314631140 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 9 năm 2017. Hoạt động chính của Nhất Hảo theo GCNĐKDN là bán buôn thực phẩm và đồ uống.

Công ty sử dụng một số cổ phiếu của một vài công ty con làm tài sản thế chấp cho các trái phiếu thường trong nước của Công ty. Chi tiết của các trái phiếu này được thể hiện tại *Thuyết minh số 16*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

(ii) Đầu tư vào các công ty liên kết và công ty liên doanh đồng kiểm soát

Tên công ty liên kết và liên doanh đồng kiểm soát	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn đầu tư	%	Vốn đầu tư	%
	VND		VND	
Công ty Cổ phần Đầu tư Lavenue	1.087.500.000.000	50,00	1.087.500.000.000	50,00
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Dabaco	101.000.000.000	50,00	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Thịnh	2.000.000.000	34,00	2.000.000.000	34,00
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam	-	0,00	421.505.599.984	24,00
TỔNG CỘNG	1.190.500.000.000		1.511.005.599.984	

Công ty Cổ phần Đầu tư Lavenue ("Lavenue") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0310306044 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2010. Hoạt động chính của Lavenue là kinh doanh bất động sản. Lavenue có trụ sở chính được đăng ký tại số 12 Lê Thánh Tôn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Dabaco ("Dabaco Food") (trước đây là Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Dabaco) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 2300345626 do SKHĐT Tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 4 tháng 9 năm 2008. Hoạt động chính của Dabaco Food là chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt. Lavenue có trụ sở chính được đăng ký tại Nam Viên, Xã Lạc Vệ, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phong Thịnh ("Phong Thịnh") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0314098268 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 11 năm 2016. Hoạt động chính của Phong Thịnh là kinh doanh bất động sản và xây dựng. Phong Thịnh có trụ sở chính được đăng ký tại số 436 - 438 Đường Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.053.104.027	741.213.835
Chi phí sửa chữa bảo trì	2.568.612.056	1.517.924.239
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.405.049.980	2.014.291.121
TỔNG CỘNG	9.026.766.063	4.273.429.195
	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước	45.069.600.004	46.196.340.004
Chi phí sửa chữa bảo trì	458.909.085	2.455.481.017
Chi phí trả trước dài hạn khác	393.291.426	1.253.538.327
TỔNG CỘNG	45.921.800.515	49.905.359.348

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 26</i>)	7.257.580	19.065.314.925
Công ty TNHH Saigon Ve Wong	3.700.000.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Đất Việt VẠC	-	11.981.393.038
Phải trả người bán khác	2.351.183.641	19.087.663.292
TỔNG CỘNG	6.058.441.221	50.134.371.255

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	71.149.333.949	133.925.912.539	(193.149.996.332)	11.925.250.156
Thuế thu nhập cá nhân	1.623.152.736	26.882.024.825	(20.280.748.834)	8.224.428.727
Thuế khác	3.845.605.806	5.991.601.386	(5.202.774.733)	4.634.432.459
TỔNG CỘNG	76.618.092.491	166.799.538.750	(218.633.519.899)	24.784.111.342
<i>Trong đó:</i>				
Thuế phải nộp	76.680.167.741			24.846.186.592
Thuế nộp thừa	(62.075.250)			(62.075.250)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương tháng 13 và thưởng	13.483.950.275	15.636.352.849
Lãi vay	9.197.078.208	10.458.036.289
Phí tư vấn	4.320.550.098	43.199.629.782
Chi phí tiếp thị	-	5.996.113.910
Chi phí phải trả khác	24.995.874.461	2.543.330.088
TỔNG CỘNG	<u>51.997.453.042</u>	<u>77.833.462.918</u>

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	4.577.909.860	5.009.331.600
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp và kinh phí công đoàn	109.018.407	193.245.338
Nhận ký cược, ký quỹ	7.218.796	7.218.796
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 26</i>)	-	103.356.133.200
Các khoản phải trả, phải nộp khác	20.239.837.083	20.318.135.086
TỔNG CỘNG	<u>24.933.984.146</u>	<u>128.884.064.020</u>

16. VAY

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng (<i>Thuyết minh số 16.1</i>)	59.968.250.250	118.713.093.628
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (<i>Thuyết minh số 16.2</i>)	197.845.000.000	197.845.000.000
Vay ngắn hạn từ bên liên quan (<i>Thuyết minh số 26</i>)	-	181.395.942.000
	<u>257.813.250.250</u>	<u>497.954.035.628</u>
Vay dài hạn		
Trái phiếu thường trong nước (<i>Thuyết minh số 16.2</i>)	593.792.421.762	791.639.780.822
TỔNG CỘNG	<u>851.605.672.012</u>	<u>1.289.593.816.450</u>

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

	VND	
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn
Số đầu năm	497.954.035.628	791.639.780.822
Vay dài hạn đến hạn trả	200.000.000.000	(200.000.000.000)
Tiền thu từ đi vay	500.008.301.372	-
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	2.152.640.940
Tiền chi trả nợ gốc vay	(940.149.086.750)	-
Số cuối năm	<u>257.813.250.250</u>	<u>593.792.421.762</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VAY (tiếp theo)

16.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Công ty có khoản vay tín chấp ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Số dư cuối năm được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	<u>59.968.250.250</u>	Ngày 11 tháng 4 năm 2018	6,0%

16.2 Trái phiếu thường trong nước

Chi tiết của các trái phiếu này vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Ngày phát hành	Giá trị VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Quận 1 ("VIB") Chi phí phát hành trái phiếu	Ngày 18 tháng 11 năm 2016	800.000.000.000 (8.362.578.238)
TỔNG CỘNG		<u>791.637.421.762</u>

Trong đó:

Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả	197.845.000.000
Vay dài hạn trái phiếu	593.792.421.762

Vào ngày 18 tháng 11 năm 2016, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 1.000 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do VIB đặt mua.

Trái phiếu này được hoàn trả sau năm (5) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất 8,5%/năm cho kỳ sáu tháng đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ sáu tháng tiếp theo sẽ bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại bốn (4) ngân hàng tham chiếu là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam ("VCB"), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam ("Vietinbank"), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") và VIB cộng với biên độ 2,5%/năm. Công ty cam kết mua lại trái phiếu trước hạn kể từ ngày phát hành theo với tỷ lệ như sau :

- tối thiểu 20% giá trị trái phiếu phát hành vào ngày tròn mười hai (12) tháng kể từ ngày phát hành;
- tối thiểu 40% giá trị trái phiếu phát hành vào ngày tròn hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày phát hành;
- tối thiểu 60% giá trị trái phiếu phát hành vào ngày tròn ba mươi sáu (36) tháng kể từ ngày phát hành;
- tối thiểu 80% giá trị trái phiếu phát hành vào ngày tròn bốn mươi tám (48) tháng kể từ ngày phát hành; và
- giá trị trái phiếu phát hành còn lại vào ngày tròn sáu mươi (60) tháng kể từ ngày phát hành.

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, trái phiếu này được sở hữu bởi VIB.

Trái phiếu này được đảm bảo bằng một số cổ phiếu của một vài công ty con của Công ty (Thuyết minh số 10).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước							VND
Số đầu năm	2.566.533.970.000	3.192.083.261.700	(1.958.647.136.362) (831.373.476)	51.162.916.267	16.135.952.841	1.316.409.084.770	5.183.678.049.216
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	(831.373.476)
Lợi nhuận thuần sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	971.002.986.125	971.002.986.125
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	-	(493.586.738.400)	(493.586.738.400)
Thù lao của Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(11.400.000.000)	(11.400.000.000)
Số cuối năm	2.566.533.970.000	3.192.083.261.700	(1.959.478.509.838)	51.162.916.267	16.135.952.841	1.782.425.332.495	5.648.862.923.465
Năm nay							
Số đầu năm	2.566.533.970.000	3.192.083.261.700	(1.959.478.509.838)	51.162.916.267	16.135.952.841	1.782.425.332.495	5.648.862.923.465
Lợi nhuận thuần sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	545.648.146.216	545.648.146.216
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	-	(329.057.825.600)	(329.057.825.600)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Thù lao của Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(11.920.000.000)	(11.920.000.000)
Số cuối năm	2.566.533.970.000	3.192.083.261.700	(1.959.478.509.838)	51.162.916.267	16.135.952.841	1.967.095.653.111	5.833.533.244.081

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần		
Số đầu năm và số cuối năm	<u>2.566.533.970.000</u>	<u>2.566.533.970.000</u>

17.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số cổ phiếu Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	256.653.397	256.653.397
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	256.653.397	256.653.397
Cổ phiếu quỹ	(50.992.256)	(50.992.256)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	205.661.141	205.661.141

17.4 Cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức công bố trong năm	329.057.825.600	493.586.738.400
(i) Cổ tức năm 2016: 1.600 VND/cổ phiếu	329.057.825.600	-
(ii) Cổ tức năm 2015: 1.400 VND/cổ phiếu	-	205.661.141.000
(iii) Cổ tức năm 2014: 1.000 VND/cổ phiếu	-	287.925.597.400
Cổ tức đã trả trong năm	329.489.247.340	493.745.506.850

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu bán hàng hóa	41.870.641.256	337.598.134.956
Các khoản giảm trừ doanh thu	(903.715)	(12.215.784.943)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	<u>(903.715)</u>	<u>(12.215.784.943)</u>
DOANH THU THUẦN	41.869.737.541	325.382.350.013
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	12.098.457.387	303.945.913.245
<i>Các bên khác</i>	29.771.280.154	21.436.436.768

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. DOANH THU (tiếp theo)

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	904.705.764.527	1.455.251.630.154
Lãi tiền gửi	95.888.764.915	102.942.801.444
Cổ tức và lợi nhuận được chia	63.734.901.409	194.006.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	891.389.620	4.684.069.463
TỔNG CỘNG	<u>1.065.220.820.471</u>	<u>1.563.072.507.061</u>

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	39.549.162.869	281.498.266.687
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.891.406.793)	7.085.266.793
Khác	2.262.195.891	159.027.787
TỔNG CỘNG	<u>34.919.951.967</u>	<u>288.742.561.267</u>

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	100.693.653.829	32.002.109.806
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	5.925.858.917	33.395.440.373
Phân bổ phí phát hành trái phiếu (Thuyết minh số 16)	2.152.640.940	259.780.822
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	5.302.000.001
Lỗ từ thanh lý khoản đầu tư	-	141.911.429
Chi phí tư vấn tài chính	-	47.082.548.477
Khác	344.240.711	148.454.076
TỔNG CỘNG	<u>109.116.394.397</u>	<u>118.332.244.984</u>

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương nhân viên	9.197.978.393	12.671.801.589
Quảng cáo và khuyến mãi	4.473.968.637	69.247.648.641
Khác	5.887.732.068	7.724.175.051
TỔNG CỘNG	<u>19.559.679.098</u>	<u>89.643.625.281</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương nhân viên	68.102.410.950	65.120.879.350
Dịch vụ mua ngoài	57.737.159.145	43.558.423.557
Phí thuê và bảo trì	27.896.882.145	27.898.146.285
Khấu hao và hao mòn	15.308.135.766	14.318.818.708
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) các khoản phải thu khó đòi	61.704.655.751	(130.476.800)
Khác	10.484.038.031	8.240.059.552
TỔNG CỘNG	<u>241.233.281.788</u>	<u>159.005.850.652</u>

23. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	9.119.059.501	38.821.186.633
Hoàn nhập tiền thuê đất phải trả	3.317.339.376	-
Thu nhập từ phí dịch vụ	1.275.601.563	-
Thu nhập từ cho thuê	839.393.941	3.189.580.026
Phạt vi phạm hợp đồng	550.536.000	-
Hoàn nhập thuế thay đổi mục đích sử dụng đất	-	34.594.000.000
Thu nhập khác	3.136.188.621	1.037.606.607
Chi phí khác	(22.054.233.587)	(12.012.088.140)
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ	(7.464.542.381)	-
Phạt thuế	(4.696.507.709)	-
Phạt vi phạm hợp đồng	(3.700.000.000)	(2.651.124.827)
Chi phí thuê đất không sử dụng cho hoạt động kinh doanh	(2.917.835.592)	(8.318.467.544)
Truy thu thuế năm trước	(2.359.260.000)	-
Chi phí khác	(916.087.905)	(1.042.495.769)
(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC	<u>(12.935.174.086)</u>	<u>26.809.098.493</u>

24. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí mua hàng hóa	41.811.358.760	281.657.294.474
Chi phí nhân công	77.265.389.343	77.759.130.529
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.504.936.589	128.101.868.551
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 8 và 9)	15.527.968.160	14.479.765.159
Khác	80.603.260.001	35.393.978.487
TỔNG CỘNG	<u>295.712.912.853</u>	<u>537.392.037.200</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	133.925.912.539	280.524.959.952
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	9.752.017.921	8.011.727.306
TỔNG CỘNG	<u>143.677.930.460</u>	<u>288.536.687.258</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>689.326.076.676</u>	<u>1.259.539.673.383</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	137.865.215.335	251.907.934.677
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	12.106.632.430	35.621.450.155
Cổ tức nhận được	(12.746.980.282)	(38.801.200)
Thu nhập đã chịu thuế trong năm trước	(4.639.617.196)	-
Chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm	<u>132.585.250.287</u>	<u>287.490.583.632</u>
Thuế TNDN trích thiếu các năm trước	11.092.680.173	1.046.103.626
Chi phí thuế TNDN	<u>143.677.930.460</u>	<u>288.536.687.258</u>

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả, cùng với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

VND

	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Các khoản chi phí phải trả	3.937.923.675	12.637.878.586	(8.699.954.911)	(9.575.079.996)
Dự phòng các khoản đầu tư	3.023.597.525	2.487.158.254	536.439.271	-
Dự phòng phải thu về cho vay ngắn hạn	1.600.000.000	1.600.000.000	-	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	900.408.100	932.827.800	(32.419.700)	136.718.980
Khác	(139.505.924)	1.416.576.657	(1.556.082.581)	1.426.633.710
TỔNG CỘNG	9.322.423.376	19.074.441.297	(9.752.017.921)	(8.011.727.306)

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
			VND	
VDS	Công ty liên quan	Thu hồi tạm ứng Phí giao dịch chứng khoán Tạm ứng để đầu tư Bán hàng hóa	1.145.438.944.000 (7.563.834.107) (100.000.000.000) 4.181.800	566.990.569.980 (3.529.423.751) (1.604.843.336.480) -
KDF	Công ty con	Trả nợ vay Lãi vay Phí thuê văn phòng Phí dịch vụ khác Vay Góp vốn Bán hàng hóa Mua hàng hóa	(181.395.942.000) (6.129.764.510) (1.657.682.084) (439.999.500) - - - 42.555.810	(207.604.058.000) (10.711.420.402) (1.577.004.660) (389.077.659) 389.000.000.000 (223.395.943.000) 481.421.268 -
KIDOFood	Công ty con	Bán hàng hóa, công cụ và dụng cụ	5.617.460.992	303.446.150.897
Vocarimex	Công ty con (trước đây là công ty liên kết)	Bán hàng hóa Mua hàng hóa và nguyên vật liệu Phí gia công	5.019.294.821 (883.963.860) (344.908.340)	11.004.033 (147.551.636.075) (10.492.286.608)
Công ty Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè ("GHC")	Công ty liên quan	Bán hàng hóa Phí gia công Mua hàng hóa và nguyên vật liệu	113.542.974 (27.641.886) -	7.337.047 (2.581.553.715) (50.875.513.050)
KTS	Công ty con	Mua hàng hóa Góp vốn	(812.024.822) -	- (7.500.000.000)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Tường An	Công ty con	Mua hàng hóa Phí thuê văn phòng Phí dịch vụ Bán hàng hóa Bán nguyên liệu	(23.015.527.290) 5.073.086.025 2.533.663.172 108.000.000 1.240.158.600	(4.192.104.400) 627.905.250 - - -
Công ty Cổ phần Địa ốc Kido ("KDL")	Công ty liên quan	Cho thuê văn phòng Phí dịch vụ	1.136.363.636 195.692.866	2.560.606.060 -
Công ty TNHH Tân An Phước ("TAP")	Công ty con trước đây	Góp vốn	(37.000.000.000)	(500.000.000)
Nhất Hào	Công ty con	Góp vốn	(2.000.000.000)	-
Phong Thịnh	Công ty liên kết	Góp vốn	-	(2.000.000.000)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn					
KIDOFood	Công ty con	Bán hàng hóa	327.062.142.340	327.625.475.329	
Vocarimex	Công ty con (trước đây là công ty liên kết)	Bán hàng hóa	1.900.831.461	3.423.419	
KDF	Công ty con	Bán hàng hóa	581.922.069	144.907.617	
Tường An	Công ty con	Bán hàng hóa	4.358.178	-	
GHC	Công ty liên quan	Bán nguyên vật liệu	-	560.020	
			329.549.254.048	327.774.366.385	
Trả trước cho người bán ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu Thực vật	Công ty liên quan	Tạm ứng mua tài sản cố định	20.000.000.000	-	
Phải thu ngắn hạn khác					
VDS	Công ty liên quan	Tạm ứng để đầu tư	176.638.400.000	1.222.639.391.000	
Tường An	Công ty con	Chi hộ	116.173.149	-	
			176.754.573.149	1.222.639.391.000	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Phải trả người bán ngắn hạn					
KDF	Công ty con	Mua hàng hóa	(7.257.580)	-	-
Vocarimex	Công ty con (trước đây là công ty liên kết)	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu và phí gia công	-	(14.425.136.152)	(14.425.136.152)
Tường An	Công ty con	Mua hàng hóa	-	(4.611.314.840)	(4.611.314.840)
KIDOFood	Công ty con	Mua hàng hóa	-	(27.106.801)	(27.106.801)
GHC	Công ty liên quan	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu và phí gia công	-	(1.757.132)	(1.757.132)
			(7.257.580)	(19.065.314.925)	(19.065.314.925)
Phải trả ngắn hạn khác					
TAP	Công ty con trước đây	Giữ hộ vốn góp	-	(100.000.000.000)	(100.000.000.000)
KDF	Công ty con	Lãi vay	-	(3.356.133.200)	(3.356.133.200)
			-	(103.356.133.200)	(103.356.133.200)
Vay					
KDF	Công ty con	Vay ngắn hạn	-	(181.395.942.000)	(181.395.942.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lương và các lợi ích khác	<u>47.022.754.000</u>	<u>42.187.539.000</u>

27. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	41.600.863.784	30.961.492.812
Từ 1 đến 5 năm	162.821.414.169	125.916.048.192
Trên 5 năm	<u>44.083.899.059</u>	<u>57.148.390.018</u>
TỔNG CỘNG	<u>248.506.177.012</u>	<u>214.025.931.022</u>

Cam kết góp vốn

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản cam kết với số tiền 227.500.000.000 VND liên quan đến nghĩa vụ góp vốn đầu tư vào các công ty con và khoản đầu tư vào đơn vị khác.

28. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ - Đô la Mỹ (USD)	59.544	59.588
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	11.029.828.811	11.029.828.811

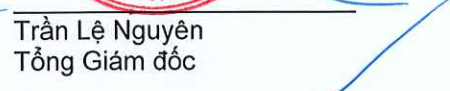
29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng.


Trần Minh Nguyệt
Người lập


Nguyễn Thị Oanh
Kế toán trưởng




Trần Lệ Nguyễn
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2018

